

Bản án số: 32/2021/HS-PT

Ngày 31-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiệm

Các Thẩm phán:

Bà Phạm Thị Thanh Bình;

Bà Bùi Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đồng Thị Lan Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 16/2021/TLPT-HS ngày 18 tháng 02 năm 2021 **đối với bị cáo H Văn T**, do có kháng cáo của bị cáo H Văn T và các bị hại: Anh Đoàn Văn S, anh Vũ Ngọc H, anh Nguyễn Thanh T, anh Đào Quang H.

- Bị cáo có kháng cáo:

H Văn T, sinh ngày 11 tháng 4 năm 1961 tại Hải Phòng. Nơi cư trú: Thôn ĐP, xã DD, H1ện KT, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hóa: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H Văn Nh và bà Bùi Thị Kh (đều đã chết); bị cáo có vợ là Phạm Thị Th và có 02 con; tiền án: Bị cáo có 01 tiền án tại Bản án số 23/2007/HSST ngày 01 tháng 02 năm 2007 của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, 06 tháng tù về tội “Làm nhục người khác”. Tổng hợp hình phạt cho cả hai tội là 24 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 36 tháng. Theo Phiếu trả lời xác minh số 118 ngày 20 tháng 7 năm 2020 của Cục thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, bị cáo đã nộp xong án phí hình sự sơ thẩm và tiền bồi thường, còn lại phải thi hành 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (gia đình bị cáo đã nộp thay bị cáo 50.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ngày 26 tháng 10 năm 2020), chưa được xóa án tích; bị cáo bị tạm giam từ ngày 10 tháng 7 năm 2020; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Trịnh Khắc Tr và ông Trịnh Văn N - Luật sư Công ty Luật TNHH MTV TKT thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; ông Tr có mặt, ông N vắng mặt.

- Các bị hại có kháng cáo:

1. Anh Đoàn Văn S, sinh năm 1988; nơi cư trú: Đường ĐN, phường VM, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh Vũ Ngọc H, sinh năm 1986; nơi cư trú: Đường LTT, phường MC, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Anh Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đường NGT, phường ĐL, quận HA, thành phố Hải Phòng; có mặt.

2. Anh Đào Quang H1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Đường CH, quận LC, thành phố Hải Phòng; có mặt.

3. Anh Vũ Xuân Tr, sinh năm 1981; nơi cư trú: Đường LL, phường LV, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Nguyễn Anh V và ông Nguyễn S- Luật sư Công ty Luật TNHH MTV HP thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hải Phòng; ông V có mặt, ông S vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Th, anh H Văn A, anh H Văn Th, Chị Nguyễn Thị Tr, ông Vũ Đức M, ông Phạm Văn H; đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng Thành Công (sau đây viết tắt là Công ty Thành Công) do bị cáo H Văn T làm giám đốc còn nợ số tiền 8.400.000.000 (tám tỷ, bốn trăm triệu) đồng của Công ty trách nhiệm hữu hạn xây dựng và vận tải H Tr (sau đây viết tắt là Công ty H Tr) do ông Phạm Văn H làm Chủ tịch Hội đồng thành viên theo Biên bản chấm dứt thực hiện hợp đồng kinh tế số 01/2019/BB/HT-TC ngày 04 tháng 11 năm 2019 để chấm dứt việc thực hiện Hợp đồng kinh tế số 626/2019/HĐKT-HT-TC ngày 07 tháng 10 năm 2019. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 01 năm 2020, ông Phạm Văn H cử chị Nguyễn Thị Tr, anh Đoàn Văn S, anh Vũ Ngọc H, anh Nguyễn Thanh T, anh Đào Quang H, anh Vũ Xuân Tr đều là nhân viên của Công ty H Tr đến trụ sở Công ty Thành Công đặt tại nhà riêng của H Văn T ở Thôn ĐP, xã DD, H1ện KT, thành phố Hải Phòng để thu hồi số tiền nợ 8.400.000.000 (tám tỷ, bốn trăm triệu) đồng cho Công ty H Tr. Con trai của T là H Văn Th có mặt ở nhà, báo cho T biết có người đến tìm gặp T, T điện thoại cho ông Vũ Đức M, bảo ông M gọi điện thoại thông báo cho chính quyền xã Đại Đồng về việc có nhóm người của Công ty H Tr đến Công ty Thành Công gây rối (có xác nhận của chính quyền địa phương). Khi T gặp 06 người tại phòng khách nhà T, T yêu cầu chị Tr xuất trình giấy ủy quyền của ông Phạm Văn H để xác định việc ủy quyền cho ai để giải quyết khoản nợ giữa hai Công ty nhưng chị Tr không có nên hai bên xảy ra mâu thuẫn. Nhóm người của Công ty H Tr có lời lẽ xúc phạm, đe dọa T và gia đình, H cầm gậy tàn thuốc lá bằng thủy tinh ở bàn uống nước trong phòng khách nhà T đập vào người T thì T dùng hai tay đỡ được và chạy ra nhà để xe trong khu vực sân, cách cửa nhà khoảng 5 đến 6 mét lấy 01 gậy tre dài khoảng 1,05 m, đường kính một đầu 04 cm, một đầu 03 cm chạy vào đứng canh

giữ ở cửa chính. Lúc này, T bấm điều khiển khóa cổng điện tự động của nhà lại và bảo Th canh giữ cửa còn lại và hô Công an đến rồi, mục đích để nhóm người của Công ty H Tr không có hành động gây bất lợi đến gia đình T và không chạy thoát ra ngoài, chờ chính quyền địa phương đến giải quyết. Lúc này, chỉ Tr đã đi ra ngoài sân, chỉ còn lại các anh S, H, T1, H1, Tr ở trong phòng khách. Cả 05 người lao vào đánh T, T cầm gậy tre bằng cả hai tay vụt từ trên xuống dưới về phía S, S giơ tay phải lên đỡ thì bị T vụt trúng tay phải. H lao vào giằng gậy của T thì bị T giằng lại, vật H ngã xuống đất rồi dùng chân trái đạp, dùng gậy tre vụt trúng tay, người của H. T1, H1, Tr tiếp tục lao vào đánh T, đều bị T dùng gậy tre vụt trúng mỗi người 01 đến 02 lần vào vị trí nào không rõ. Bị T đánh, cả 05 người lùi lại vào trong phòng khách nhà T. T gọi điện thoại cho Hoàng Văn A là con trai T ở gần đó, báo về việc có nhóm người của Công ty Hoàng Trường đến nhà đòi nợ. Khoảng vài phút sau, A đến, lúc này H đang giằng co với T thì A lao vào ôm giữ H để can ngăn, làm H ngã xuống nền nhà. Hậu quả làm các anh S, H, T1, H1, Tr đều bị thương tích phải đi điều trị tại Bệnh viện Việt Tiệp, Hải Phòng. Ngay sau khi xảy ra xô xát, Công an xã Đại Đồng và Công an huyện Kiến Thụy đến giải quyết vụ việc. T khai, chỉ một mình T là người gây thương tích cho các anh S, H, T1, H1, Tr, ngoài ra không còn ai khác tham gia.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 64/2020/TgT ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm pháp y Hải Phòng, kết luận: "... Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Đoàn Văn S do vết phẫu thuật mắt sau 1/3 dưới cẳng tay phải gây nên là 03%. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của S do gãy thân xương trụ, còn dụng cụ kết hợp xương gây nên là 09%. Tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của nạn nhân do các thương tích trên gây nên theo phương pháp cộng trong Thông tư là 12%.

Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/2020/TgT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: "... Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Vũ Ngọc H do vết thương cung mào trái gây nên là 03%".

Tại các bản Kết luận giám định pháp y về thương tích đối với các anh Nguyễn Thanh T, Đào Quang H1, Vũ Xuân Tr, đều kết luận: Các thương tích không có hướng dẫn tỉ lệ phần trăm tổn thương cơ thể trong Thông tư hiện hành nên không có căn cứ đánh giá tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể.

Tại Văn bản số 32 ngày 23 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm pháp y Hải Phòng, kết luận: Với đặc điểm của chiếc gậy tre do Cơ quan điều tra thu giữ và cung cấp được coi là vật tày, nếu đối tượng cầm bằng hai tay vụt từ trên xuống dưới (nạn nhân có thể giơ tay đỡ) vào vùng 1/3 dưới xương trụ phải thì cũng có thể gây nên được thương tích của Đoàn Văn S.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai nhận T bộ hành vi phạm tội như nội dung vụ án đã nêu và khai: Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử, bị cáo đã tác động gia đình để con trai là Th nộp số tiền khắc phục hậu quả tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy ngày 26 tháng 11 năm 2020 với mục đích bồi thường cho 05 bị hại với tổng số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng. Bị cáo đồng ý bồi thường T bộ cho 05 bị hại theo quy định của pháp luật và nhận nộp tiếp số tiền bồi thường còn thiếu. Bị cáo nhận thức được hành vi gây thương tích cho các bị hại là vi phạm

pháp luật và sai với 05 bị hại. Rất mong Hội đồng xét xử xem xét điều kiện, hoàn cảnh gia đình bị cáo để giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo.

Tại Bản án số 01/2021/HSST ngày 07 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy đã: Căn cứ vào điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt: Hoàng Văn T 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam ngày 10 tháng 7 năm 2020.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, các điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật Dân sự: Bị cáo Hoàng Văn T phải bồi thường cho các bị hại với tổng số tiền 89.456.285 đồng. Bị cáo đã nộp số tiền 80.000.000 đồng, còn phải nộp tiếp số tiền 9.456.285 đồng để bồi thường cho bị hại.

Ngoài ra, còn tuyên xử lý vật chứng và án phí, quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 14 tháng 01 năm 2021 bị cáo Hoàng Văn T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Trong vụ án này, Tòa án cấp sơ thẩm xác định tư cách người tham gia tố tụng gồm 05 bị hại là: Đoàn Văn S, Vũ Ngọc H, Nguyễn Thanh T1, Đào Quang H1 và Vũ Xuân Tr. Bốn người kháng cáo là anh S, H, T1, H1 với nội dung: Tăng hình phạt đối với bị cáo Hoàng Văn T.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Văn T khai nhận hành vi phạm tội và trình bày thông qua Luật sư đã nhấn gia đình bồi thường tiếp **9.456.285 đồng** cho bị hại như quyết định của Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên và đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt.

Những bị hại có mặt đều đề nghị tăng hình phạt đối với bị cáo.

Sau phần xét hỏi, Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là đúng. Mức án 12 tháng tù đối với bị cáo là có phần khoan hồng, **nên mặc dù bị cáo đã nộp thêm số tiền bồi thường cho bị hại là tình tiết giảm nhẹ mới nhưng cũng không cần thiết giảm thêm hình phạt cho bị cáo. Đồng thời, cần** xác định những người bị hại có lỗi: Ngày mùng 6 Tết âm lịch, **đi nhiều người** đến nhà bị cáo đòi nợ, **to tiếng, xô xát, gây** bức xúc nên bị cáo mới cầm gậy đánh những người bị hại gây thương tích. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và không chấp nhận kháng cáo của bị hại, giữ nguyên hình phạt đối với bị cáo. Tuy nhiên, kiến nghị **về sai sót của** cấp sơ thẩm đã xác định tư cách người tham gia tố tụng không đúng, **nhưng vi phạm này** không làm thay đổi bản chất vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử **không hủy** bản án sơ thẩm, **mà** xác định anh T1, H1, Tr là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Luật sư bào chữa cho bị cáo nêu quan điểm: Luật sư không tranh luận về tội danh cũng như điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị cáo tiếp tục nhấn gia đình nộp tiền bồi thường theo đúng Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định, đây là tình tiết giảm nhẹ mới, đề nghị Hội đồng xét xử tiếp tục áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử bị cáo mức án thấp hơn cấp sơ thẩm đã xử.

Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nêu quan điểm:

Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Thanh T, anh Đào Quang H, anh Vũ Xuân Tr là bị hại trong vụ án, nay cấp phúc thẩm lại xác định họ là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án, như vậy đã tước đi quyền kháng cáo tăng hình phạt của họ đối với bị cáo. Họ nghĩ là bị hại nên chỉ kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo mà không kháng cáo về phần bồi thường, nếu từ giai đoạn sơ thẩm xác định họ là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thì họ sẽ kháng cáo về phần bồi thường, do vậy họ bị mất đi quyền kháng cáo về phần bồi thường. Đây là vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng của Tòa án cấp sơ thẩm.

Về nội dung kháng cáo của bị hại Đoàn Văn S và Vũ Ngọc H: Ngày mùng 6 tết, là ngày đi làm đầu tiên sau khi nghỉ tết, việc nhân viên của Công ty Hoàng Trường đến đòi nợ là chuyện bình thường, vì 2 công ty đã thỏa thuận sang đầu năm sẽ giải quyết công nợ, họ đến không đe dọa hành hung, không ai dùng gậy tàn thuốc lá đánh ông T, mà chính ông T đã chủ động tấn công trước, tất cả các nhân viên đến đòi nợ tại nhà ông T đều không có hành vi trái pháp luật, nên bị cáo T không được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Vì cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình sự hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đều có ý kiến: Khi đến nhà T đòi nợ, hoàn toàn không tấn công trước, T chủ động đánh họ, nên nội dung vụ án là sai.

Bị cáo không tranh luận và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an H1ện Kiến Thụy, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Thụy, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tuy nhiên trong vụ án xử bị cáo về tội “Cố ý gây thương tích”, bị hại phải có tỷ lệ % tổn thương cơ thể, nên trong vụ án này xác định bị hại là anh Đoàn Văn S và anh Vũ Ngọc H là đúng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Nguyễn Thanh T, Đào Quang H1, Vũ Xuân Tr là bị hại là không đúng, họ chỉ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

[1.1] Điều 62 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Bị hại được “đề nghị hình phạt, mức bồi thường thiệt hại, biện pháp đảm bảo bồi thường” và được “kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án”

[1.2] Điều 65 Bộ luật Tố tụng hình sự quy định: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền “Kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình”.

[1.3] Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định tư cách người tham gia tố tụng sai: Xác định anh T1, H1, Tr là bị hại trong vụ án là không đúng, dẫn đến họ kháng cáo về phần hình phạt đối với bị cáo là bất lợi cho bị cáo. Vì họ là người có quyền

lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, họ chỉ được quyền kháng cáo trong phạm vi bồi thường. Anh T1, H1, Tr được cấp sơ thẩm xác định là người bị hại, có đầy đủ các quyền kháng cáo nhưng không kháng cáo về phần bồi thường, đương nhiên họ đã đồng ý về phần bồi thường, không bị mất đi quyền lợi hợp pháp.

[1.4] Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 358 Bộ luật Tố tụng hình: Tòa án cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, sự vi phạm này không làm thay đổi bản chất vụ án. Quyền và nghĩa vụ của các đương sự vẫn được đảm bảo, nên không cần thiết phải hủy bản án mà cần rút kinh nghiệm đối với cấp sơ thẩm. Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận thời hạn kháng cáo của bị cáo Hoàng Văn T và kháng cáo của 02 bị hại là anh Đoàn Văn S, anh Vũ Ngọc H để xem xét. Do vậy, không chấp nhận quan điểm của Luật sư đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị hại; những người làm chứng, vật chứng thu giữ cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Hoàng Văn T còn nợ Công ty Hoàng Trường số tiền 8.400.000.000 đồng trong việc chấm dứt hợp đồng kinh tế giữa hai Công ty. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 30 tháng 01 năm 2020, khi 06 nhân viên của Công ty Hoàng Trường theo sự chỉ đạo của ông H đến nhà riêng của Hoàng Văn T để thu hồi tiền nợ. Quá trình làm việc, hai bên xảy ra mâu thuẫn, Hoàng Văn T đã có hành vi dùng 01 gậy tre gây thương tích cho các anh Đoàn Văn S, Vũ Ngọc H, Nguyễn Thanh T1, Đào Quang H1, Vũ Xuân Tr là nhân viên của công ty Hoàng Trường. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 64/2020/TgT ngày 03 tháng 3 năm 2020 của Trung tâm pháp y Hải Phòng, kết luận: “... Anh Đoàn Văn S tổn thương cơ thể theo phương pháp cộng trong Thông tư là 12%. Tại bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 60/2020/TgT ngày 24 tháng 02 năm 2020 của Trung tâm pháp y Hải Phòng kết luận: “Anh Vũ Ngọc H ... Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể là 03%”. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Hoàng Văn T phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 của Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật Hình sự là “Dùng hung khí nguy hiểm”. Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo không những xâm phạm đến sức khỏe, gây hoang mang lo sợ, ảnh hưởng đến tinh thần của người khác mà còn gây mất trật tự trị an xã hội địa phương nên cần phải xử lý bằng pháp luật hình sự.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo và bị hại: Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị hại kháng cáo tăng hình phạt đối với bị cáo. Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá hành vi của bị cáo và các tình tiết trong vụ án như sau:

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có 01 tiền án chưa chấp hành xong án phí dân sự. Trong trường hợp này, người bị kết án không đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật Hình sự, do đó xác định bị cáo chưa được xóa án tích. Vì vậy, bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “Tái phạm” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự*: Trong các giai đoạn tố tụng bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; giai đoạn xét xử, bị cáo tự nguyện tác động gia đình nộp số tiền 80.000.000 đồng và giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo tiếp tục tác động gia đình bồi thường hết số tiền mà cấp sơ thẩm đã tuyên 9.456.285 đồng để bồi thường cho bị hại (đây là tình tiết giảm nhẹ mới) và bị cáo có bố để được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng ba; gia đình bị cáo được Ủy ban nhân dân (UBND) xã Đại Đồng, huyện Kiến Thụy công nhận đã đạt tiêu chuẩn “Gia đình văn hóa tiêu biểu” trong các năm 2003, 2005, 2012, 2013, 2015; Công ty Thành Công do bị cáo làm giám đốc được UBND nhiều xã thuộc huyện Kiến Thụy xác nhận về việc có tham gia xây dựng nhiều công trình theo chương trình xây dựng nông thôn mới tại địa phương; bị cáo được UBND xã Đại Đồng, Ban chỉ huy quân sự huyện Kiến Thụy, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh huyện Kiến Thụy, UBND huyện Kiến Thụy xác nhận về việc có đóng góp, ủng hộ kinh phí cho nhiều ban ngành của địa phương từ năm 2000 đến năm 2006 nên được xác định là bị cáo có thành tích đối với địa phương. Trong vụ án này, các bị hại cũng có lỗi, do đi nhiều người đến nhà bị cáo thu hồi nợ vào ngày 30 tháng 01 năm 2020 (là ngày 06 tháng 01 Tết âm lịch) gây áp lực rất lớn về tinh thần cho bị cáo và gia đình bị cáo, khi đến thu hồi nợ không có giấy ủy quyền, không có văn bản về việc giải quyết công nợ của Công ty Hoàng Trường và còn có lời lẽ xúc phạm, đe dọa bị cáo dẫn đến việc tinh thần bị bức xúc, không kiềm chế được bản thân nên có hành vi gây thương tích cho bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Mặc dù, bị cáo có tình tiết giảm nhẹ mới là nộp hết tiền bồi thường theo quyết định của bản án sơ thẩm, nhưng mức án 12 tháng tù là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Với phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị hại **đề nghị** tăng hình phạt đối với bị cáo và đồng thời cũng không chấp nhận kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không kháng cáo về phần bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xét. Nhưng ghi nhận sự tự nguyện nộp bồi thường tiếp cho bị hại là: 9.456.285 (chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi lăm) đồng của gia đình bị cáo.

[8] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận, bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và các bị hại, giữ nguyên hình phạt của bản án sơ thẩm.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, e, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38, khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự,

- Xử phạt: **Hoàng Văn T** 12 (mười hai) tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 10 tháng 7 năm 2020.

- *Về bồi thường dân sự*: Ghi nhận việc tiếp tục nộp bồi thường của gia đình bị cáo để bồi thường cho anh Đoàn Văn S, Vũ Ngọc H, Nguyễn Thanh T1, Đào Quang H1 và Vũ Xuân Tr theo quyết định của Bản án sơ thẩm đã tuyên với số tiền là 9.456.285 đồng (chín triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm tám mươi lăm) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002882 ngày 17 tháng 3 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng. Số tiền bồi thường sẽ giải quyết trong quá trình thi hành án.

- *Về án phí*: Bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện Kiến Thụy, HP;
- Trại giam Hải Phòng; PV 06; **PC 10**;
- **Sở Tư pháp TP Hải Phòng**
- Công an huyện Kiến Thụy;
- Cơ quan THA huyện Kiến Thụy;
- Chi cục THADS huyện Kiến Thụy;
- Bị cáo, bị hại; **người có quyền và nghĩa vụ liên quan**;
- Lưu: HCTP; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thiệm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thanh Bình Bùi Thị Thúy Hà

Nguyễn Văn Thiệm

Mẫu số 28-HS (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2017/NQ-HĐTP ngày 19 tháng 9 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số:..... /.....⁽²⁾/HS-PT
Ngày.....-.....-.....⁽³⁾

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN⁽⁴⁾

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có⁽⁵⁾:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà).....

Các Thẩm phán: Ông (Bà)

Ông (Bà)

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)⁽⁶⁾

- Đại diện Viện kiểm sát⁽⁷⁾.....tham gia phiên tòa:

Ông (Bà).....- Kiểm sát viên.

Trong các ngày⁽⁸⁾.....tại⁽⁹⁾.....xét xử phúc thẩm công
khai⁽¹⁰⁾ vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số:.../.../TLPT-HS ngày...tháng...năm....đối với (các) bị

cáo⁽¹¹⁾do có kháng cáo của⁽¹²⁾ hoặc kháng nghị của⁽¹³⁾đối với
Bản án hình sự sơ thẩm số:../.../HS-ST ngày...tháng...năm...của Tòa
án⁽¹⁴⁾

- *Các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị:*⁽¹⁵⁾

⁽¹⁶⁾ sinh ngày.....tháng.....năm.....tại.....

Nơi cư trú.....; nghề nghiệp.....; trình độ văn hoá (học vấn).....; dân
tộc:.....; giới tính:.....; tôn giáo:.....; quốc tịch:.....; con
ông.....và bà.....; có vợ (chồng) và..... con;⁽¹⁷⁾tiền án....., tiền
sự.....; nhân thân.....; bị bắt, tạm giam
ngày⁽¹⁸⁾

- *Các bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng
nghị:*⁽¹⁹⁾

- *Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến
kháng cáo, kháng nghị:*

.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo:*⁽²⁰⁾

Ông (Bà)....sinh năm (hoặc tuổi)....; nơi cư trú....; nghề nghiệp....là:⁽²¹⁾

.....

- *Người bào chữa cho bị cáo:*⁽²²⁾

.....

- *Bị hại:*⁽²³⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:*⁽²⁴⁾

.....

- *Nguyên đơn dân sự:*⁽²⁵⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự:*⁽²⁶⁾

.....

- *Bị đơn dân sự:*⁽²⁷⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn dân sự:*⁽²⁸⁾

.....

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*⁽²⁹⁾

.....

- *Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến
vụ án:*⁽³⁰⁾

.....

- Người bảo vệ quyền lợi cho người bị hại (nguyên đơn dân sự,...):⁽³¹⁾

- Người tham gia tố tụng khác:⁽³²⁾

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:⁽³³⁾

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:⁽³⁴⁾

[1]

[2]

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào.....⁽³⁵⁾
⁽³⁶⁾

⁽³⁷⁾ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 28-HS:

(1) và (4) ghi tên Tòa án xét xử phúc thẩm; nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi tên Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án nhân dân cấp cao thì ghi: Tòa án nhân dân cấp cao tại (Hà Nội, Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh...); nếu là Tòa án quân sự quân khu, quân chủng thì ghi tên Tòa án quân sự quân khu, quân chủng (ví dụ: Tòa án quân sự Quân khu Thủ đô).

(2) ô thứ nhất ghi Bản án hình sự phúc thẩm, ô thứ hai ghi năm ra Bản án hình sự phúc thẩm (ví dụ: 12/2017/HS-PT).

(3) ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử phúc thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử phúc thẩm trong nhiều ngày.

(5) ghi đầy đủ họ tên của Thẩm phán; nếu vụ án do Tòa án quân sự giải quyết thì không ghi Ông (Bà) mà ghi cấp bậc quân hàm.

(6) ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(7) ghi tên Viện kiểm sát như hướng dẫn tại (1) và họ tên của Kiểm sát viên thực hành

quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa.

(8) Tr hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ Trong các (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Tr hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liên nhau thì ghi Từ ngày đến ngày (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liên nhau thì ghi Trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liên nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liên nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(9) nếu vụ án được xét xử tại trụ sở Tòa án thì ghi như hướng dẫn tại mục (1) và (4). Nếu vụ án xét xử lưu động thì ghi địa điểm nơi diễn ra phiên tòa.

(10) nếu xét xử kín thì thay cụm từ công khai bằng từ kín.

(11) nếu vụ án có một hoặc hai bị cáo kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo; nếu vụ án có từ ba bị cáo trở lên kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo trong số các bị cáo bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt mức án cao nhất và ghi thêm cụm từ “và các bị cáo khác”. Tr hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở, tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(12) ghi địa vị pháp lý trong tổ tụng của người kháng cáo (ví dụ: do có kháng cáo của bị cáo (các bị cáo), người bị hại và nguyên đơn dân sự).

(13) ghi tên Viện kiểm sát kháng nghị (nếu có).

(14) ghi tên Tòa án xét xử sơ thẩm.

(15) không ghi các bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, bị kháng nghị, nhưng T bộ kháng cáo, kháng nghị liên quan đến họ đã được rút trước khi mở phiên tòa.

(16) và (17) ghi đầy đủ họ tên bị cáo và các bí danh, tên thường gọi khác (nếu có); nếu bị cáo là người dưới 18 tuổi phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh tính đến ngày bị cáo thực hiện hành vi phạm tội (ví dụ: Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 16 tuổi 8 tháng 15 ngày); nếu bị cáo trên 18 tuổi thì ghi ngày, tháng, năm sinh hoặc tuổi; ghi nơi đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú, nơi sinh sống của bị cáo. Đối với tiền sự thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị xử lý đó tính đến ngày phạm tội chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử lý hành chính hoặc bị xử lý kỷ luật. Đối với tiền án thì chỉ ghi khi đã xác định đúng theo quy định của pháp luật lần bị kết án đó tính đến ngày phạm tội chưa được xóa án. Về nhân thân ghi án tích, đã bị xử phạt vi phạm hành chính, đã xử lý kỷ luật cụ thể các lần đó và ghi rõ là các án tích, xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật đó đã được xóa. Tr hợp bị cáo là pháp nhân thương mại thì ghi tên, địa chỉ trụ sở chính, họ tên người đại diện theo pháp luật, tiền án, tiền sự của pháp nhân thương mại và các thông tin cần thiết khác; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(18) ghi ngày bị cáo bị bắt, tạm giam; nếu trước đó bị cáo đã bị tạm giữ, bị bắt, tạm giam, thì ghi ngày bị tạm giữ, ngày bị bắt, tạm giam và ngày được cho tại ngoại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(19) nếu có bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm có xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ, thì ghi như bị cáo có kháng cáo, bị kháng cáo, kháng nghị; nếu Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét phần của bản án sơ thẩm đối với họ thì chỉ cần ghi “Ngoài ra còn có (số lượng) bị cáo không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”. Tr hợp vụ án chỉ có một bị cáo không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị thì ghi “Ngoài ra còn có bị cáo (họ tên) không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị”.

(20) và (21) nếu bị cáo có người đại diện hợp pháp thì ghi đầy đủ họ tên của bị cáo đó (ví dụ: Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn A). Sau chữ “là” ghi quan hệ như thế nào

với bị cáo (ví dụ: là bố của bị cáo); nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi có mặt và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi vắng mặt.

(22) nếu bị cáo nào có người bào chữa thì ghi họ tên của người bào chữa và nghề nghiệp (Ví dụ: Trần Văn C là Luật sư; Trần Văn D là Bảo chữa viên nhân dân).

(23), (24), (25), (26), (27), (28), (29), (30) và (31) nếu có người nào tham gia tố tụng thì ghi đầy đủ họ tên, tuổi, nơi cư trú của người đó. Tr hợp bị hại là người bị xâm phạm về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm, danh dự và là người dưới 18 tuổi, thì phải ghi đầy đủ ngày, tháng, năm sinh của bị hại; nếu có mặt tại phiên tòa thì ghi “có mặt” và nếu vắng mặt tại phiên tòa thì ghi “vắng mặt”.

(32) nếu có người tham gia tố tụng là người làm chứng thì ghi đầy đủ họ tên; nếu người tham gia tố tụng là người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật thì ghi đầy đủ họ tên, cơ quan công tác.

(33) trong phần này, ghi tóm tắt nội dung vụ án, quyết định trong bản án sơ thẩm; nội dung kháng cáo, kháng nghị.

(34) trong phần này, ghi nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm, những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận kháng cáo, kháng nghị; điểm, khoản, điều của Bộ luật Hình sự và của văn bản quy phạm pháp luật khác mà Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ để giải quyết vụ án. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].

(35) tùy từng Tr hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.

(36) trong phần này, ghi đầy đủ các nội dung được quy định tại điểm c khoản 3 Điều 260 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

(37) phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi đầy đủ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các bị cáo, các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan và Viện kiểm sát theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự thì ghi như sau:

Nơi nhận:

Ghi những nơi mà Tòa án cấp phúc thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 262 của Bộ luật Tố tụng hình sự và những nơi cần lưu bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)